

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BÉ VUI ĐẾN TRƯỜNG
(Số tuần: 4 tuần: Từ ngày 08/9 đến ngày 03 tháng 10 năm 2025)

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	Ghi chú
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
1	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: 2 tay đưa về phía trước - đưa về phía sau - Lưng bụng lườn: Nghiêng người sang 2 bên - Chân: Đứng nhún chân.	* HĐ chơi – Tập - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: 2 tay đưa về phía trước - đưa về phía sau - Lưng bụng lườn: Nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Đứng nhún chân, - Tập theo nhạc bài hát “Cô và mẹ”	
2	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi thay đổi tốc độ nhanh chậm theo cô.	- Đi theo hiệu lệnh. - Chạy theo hướng thẳng	* Chơi - tập có chủ định - Đi theo hiệu lệnh. + TCVD: Đuổi theo bóng. - Chạy theo hướng thẳng + TCVD: Lăn bóng (TCTV: Đi theo hiệu lệnh, đuổi theo bóng, chạy theo hướng thẳng, lăn bóng) - Trò chơi mới: Nu na nu nống. (TCTV: sạch sẽ, hồng hào), bóng tròn to, dung dăng dung dề.	
4	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng.	* Chơi - tập có chủ định - Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng. + TCVD: Đuổi bắt. (TCTV: Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng, đuổi bắt).	
5	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động bật nhảy.	Bật tại chỗ.	* Chơi - tập có chủ định - Bật tại chỗ + TCVD: Bóng tròn to. (TCTV: Bật tại chỗ, nu na nu nống).	
7	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt	- Vò xé: giấy vụn-lá khô. - Đóng cọc bàn gỗ. - Tập xâu vòng tay,	- Hoạt động chơi: Góc hoạt động với đồ vật + Vò, xé giấy, lá. + Đóng cọc bàn gỗ.	

	trong các hoạt động: khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	chuỗi đeo cổ.	+ Khâu vòng đeo tay, chuỗi đeo cổ	
8	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau trong trường mầm non.	Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau gần gũi ở địa phương.	* Hoạt động ăn - Các món ăn trong bữa ăn. (TCTV: Đậu dim thịt, cá dim cà chua, canh dưa, canh rau muống)	
9	Trẻ ngủ một giấc buổi trưa ở trường mầm non	Luyện tập thói quen ngủ một giấc trưa.	* Hoạt động ngủ - Tập thói quen ngủ một giấc buổi trưa.	
10	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định ở lớp mầm non.	Trẻ tập đi vệ sinh đúng nơi quy định: nhà bô, nhà vệ sinh.	* Hoạt động vệ sinh - Bỏ rác đúng nơi quy định. - Rửa tay trước khi ăn, lau mặt lau miệng, uống nước sau khi ăn.	
11	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của cô giáo (lấy nước uống, đi vệ sinh).	Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác, đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Ngồi bô đúng cách.	
13	Trẻ biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm: ổ điện, phích điện, phích nước nóng, vật sắc nhọn... - Nhận biết, cách phòng tránh một số nguồn lửa: Bếp củi, bếp ga, bật lửa, bao diêm, ngọn nến...	* Hoạt động chơi - Xem tranh ảnh, video, trò chuyện về một số vật dụng nguy hiểm: ổ điện, phích điện, phích nước nóng, vật sắc nhọn... - Xem video, trò chuyện cách phòng tránh một số nguồn lửa: Bếp củi, bếp ga.	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
15	Trẻ thích sờ nắn, nhìn, nghe để nhận biết một số đồ dùng đồ chơi trong lớp.	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật gần gũi của lớp: sắc xô, phách tre, trống cơm... - Sờ nắn, nhìn...đồ vật gần gũi ở địa phương để nhận biết đặc điểm nổi bật.	* Hoạt động chơi - Một số đồ vật gần gũi của lớp: sắc xô, phách tre, trống cơm... - Trò chơi mới: Gõ trống. - Trò chơi: Cái gì? - Góc HĐVĐV: Xếp hình, tháo lắp vòng, khâu vòng.	
16	Trẻ bắt chước một	Đồ dùng đồ chơi của		

	số hành động quen thuộc của cô giáo, sử dụng được một số đồ dùng đồ chơi ở lớp.	lớp.		
17	Trẻ nói được tên của cô giáo, các bạn trong lớp.	Tên của cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp.	* Chơi – tập có chủ định - Nhận biết: Cô giáo và các bạn trong lớp. (TCTV: Con chào cô giáo, tôi chào bạn) * Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Trò chuyện về trường, lớp, cô giáo và các bạn. - Trò chơi: Chào cô	
19	Trẻ nhận biết được tên và một vài đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi trong lớp.	Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng đồ dùng và cách sử dụng đồ chơi quen thuộc: Bóng, búp bê	* Chơi – tập có chủ định - Nhận biết: Quả bóng, - Nhận biết: Đèn ông sao - NB: Cái bàn, cái ghế. (TCTV: Quả bóng màu đỏ, đèn ông sao, cái bàn màu đỏ, cái ghế màu đỏ...)	
20	Trẻ có thể chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ theo yêu cầu của cô giáo.	Màu đỏ	* Hoạt động chơi - Chơi với bóng, khối nhựa màu đỏ. - Chọn đồ chơi theo yêu cầu - Trò chơi: Tìm đúng màu.	

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

22	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động của cô giáo.	Nghe và thực hiện yêu cầu bằng lời nói.	* Hoạt động chơi - Cất đồ chơi đúng nơi quy định. - Trò chơi dân gian: Nu na nu nống.	
24	Trẻ có thể hiểu được nội dung một số truyện ngắn đơn giản: Đôi bạn nhỏ. Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật	Nghe truyện ngắn: Đôi bạn nhỏ.	* Chơi – tập có chủ định - Kể truyện: Đôi bạn nhỏ. (TCTV: chiếu chiếu, vít vít)	

	về chủ đề “Bé vui đến trường”			
26	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao chủ đề “Bé vui đến trường” với sự giúp đỡ của cô giáo.	Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	* Chơi – tập có chủ định - Thơ: Chia đồ chơi, đèn kéo quân, làm đồ chơi. (TCTV: Bé tạo, nhút nhát, đèn kéo quân) * Hoạt động chơi: - Đọc đồng dao: Nu na nu nống, dung dăng dung dẻ.	
27	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc trong chủ đề “Bé vui tới trường”.	Sử dụng các từ chỉ đồ vật, đặc điểm quen thuộc trong giao tiếp: Bàn ghế ở lớp, cái cốc nước, bát, thìa ăn cơm, cầu trượt, bập bênh,...	* Hoạt động chơi - Kể, gọi tên đồ dùng đồ chơi trong lớp của bé. - Chơi với các lô tô về đồ dùng đồ chơi trong lớp của bé.	
4. Phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ				
37	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi: bế em, khuấy bột cho em bé..).	Tập sử dụng một số đồ chơi: Búp bê.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc - Chơi: Bế em, cho em ăn, ru em ngủ.	
40	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc trong chủ đề “Bé vui đến trường”.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của xắc xô, phách tre. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc bài hát: Cô và mẹ.	* Chơi - tập có chủ định - Hát: Đi nhà trẻ. - VĐTN: Cô và mẹ. - Nghe hát: Chim mẹ chim con, bé và trăng, lại đây múa hát cùng cô. - Trò chơi ÂN: Ai đoán giỏi, tiếng kêu của cái gì. - Biểu diễn văn nghệ. * Hoạt động chơi: - Chơi với các dụng cụ âm nhạc: Xắc xô, phách tre, trống, sáo... - Hát dân ca "Inh lả ời".	
	Trẻ thích xếp hình, xâu vòng, xé, vò về chủ đề	Xếp đường đi, xếp nhà, xếp công, xâu vòng. xé giấy, vò giấy.	* Chơi - tập có chủ định + Xâu vòng màu đỏ + Xếp đường đi + Chơi với giấy	

41	“Bé vui tới trường”.		+ Xếp cổng (TCTV: Xâu vòng màu đỏ, Xếp đường đi, Xếp cổng) * Hoạt động chơi: - Xếp nhà, xếp đường đi. - Xé, vò giấy; xem sách, tranh ảnh về trường mầm non.	
----	----------------------	--	---	--

Ngày 04 tháng 09 năm 2025

Tổ phó chuyên môn
(kí duyệt)

Người lập

Phạm Thị Hồng Huệ

Trần Thị Mỹ Hà

Mai Thị Thu Hương